

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Trương Thị Thìn;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 2641/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXX-ST ngày 26/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lý Thị Nh**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 8, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn Q**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: khu phố 5, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Bà Lý Thị Nh trình bày:**

Bà Lý Thị Nh và ông Phạm Văn Q chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyền số 01/2010 ngày 22/02/2010. Vợ chồng chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra xung đột do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Bà Nh, ông Q đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu

thuần nhưng không có kết quả. Từ năm 2016 đến nay, bà Nh, ông Q sống ly thân. Bà Nh xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn giữa trầm trọng, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho bà ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà Nh và ông Q có 01 con chung là Phạm Lý Bảo D, sinh ngày 22/3/2013. Bà Nh xin được nuôi cháu D, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nh xác định không có.

Do bận việc nên bà Nh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

***Bị đơn ông Phạm Văn Q đã được tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án:*** Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận tranh chấp khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến làm việc nên không có lời trình bày.

Ngoài các chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Ông Q không đến Tòa án làm việc dù đã được tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện không có thiện chí mong muốn hòa giải đoàn tụ. Thực tế bà Nh và ông Q đã ly thân, bà Nh có đủ điều kiện nuôi con chung nên giao con chung cho bà Nh nuôi dưỡng; do đó có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh đối với ông Q, giao con chung của ông Q, bà Nh cho bà Nh nuôi dưỡng, không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng của ông Q vì bà Nh không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: do ông Q vắng mặt nên giành quyền khởi kiện một vụ án khác cho ông Q nếu có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***[1]. Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:***

Bà Lý Thị Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phạm Văn Q và yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định bà Nh là nguyên đơn, ông Q là bị đơn. Căn cứ Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**[2]. Về thẩm quyền giải quyết:** Ông Phạm Văn Q có địa chỉ cư trú tại phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của bà Nh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

**[3]. Về thủ tục tố tụng khác:** Bà Lý Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm Văn Q đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

**[4] Về nội dung tranh chấp:** Bà Lý Thị Nh và ông Phạm Văn Q chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01/2010 ngày 22/02/2010. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của bà Nh và ông Q là hợp pháp.

Xét thấy: Tại biên bản xác minh ngày 01 tháng 2 năm 2021, Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài xác định không biết mâu thuẫn của bà Nh và ông Q vì các đương sự không trình báo. Phía ông Q không có lời khai nhưng xét thực tế ông Q và bà Nh hiện nay sống ly thân, hai bên không quan tâm yêu thương nhau và cả hai không hòa giải đoàn tụ được.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Nh và ông Q trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị Nh đối với ông Phạm Văn Q.

Về con chung: Bà Nh khai giữa bà và ông Q có 01 (một) con chung là 01 con chung là Phạm Lý Bảo D, sinh ngày 22/3/2013. Bà Nh có thu nhập ổn định, cháu D có lời khai thể hiện nguyện vọng được chung sống với mẹ. Do đó, xét nên giao con chung cho bà Nh tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà Nh không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung của ông Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nh khai không có, ông Q không có lời khai về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này ông Q có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án độc lập theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn Bà Lý Thị Nh phải bầu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lý Thị Nh ông Phạm Văn Q.

Cho Bà Lý Thị Nh được ly hôn ông Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung của bà Nh và ông Q là cháu Phạm Lý Bảo D, sinh ngày 22/3/2013 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nh, ông Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nh khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lý Thị Nh phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007656 ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; bà Nh đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Lý Thị Nh, ông Phạm Văn Q được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thị Huệ**

